TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72 /2018 / HNGĐ-ST.
Ngày: 07 – 9 – 2018 .
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Thanh
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Bảo, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2018; Về việc: *"Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vạn Thành L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 111, đường X, Khóm Y, Phường Z, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vạn Thành L trình bày:

Anh L và chị Nguyễn Thị Thảo N do quen biết, tổ chức hôn nhân theo phong tục tập quán vào ngày 26/12/2017 gia đình anh L có tổ trức lễ nói qua dạm hỏi gia đình của chị N, có sự chứng kiến Họ hàng hai bên, nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong lễ nói cha, mẹ anh L có cho chị N một số lễ vật gồm các tài sản như sau:

Tiền phụ tổ chức lễ nói 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Tiền cho cô dâu mua khăn dù 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Nữ trang trao cho chị N gồm: Một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara; Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara; Một chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 18kara.

Trong lúc gia đình anh L chờ tổ chức lễ cưới thì anh L và chị Thảo N xãy ra mâu thuẩn, ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau.

Nay cảm thấy tình cảm không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa anh L và chị Thảo N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thảo N trả anh L 10 chỉ vàng 24kara gồm: Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara. Còn lại tài sản khác cho trong lễ nói anh đồng ý tiếp tục cho chị N quản lý sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ anh L đã nộp cho Tòa án đã được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh L xác định đầy đủ, anh L không cung cấp tài liệu, chứng cứ thêm.

Theo các biên bản hòa giải tại Tòa án và các tại liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo N trình bày:

Qua phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung chị N xác nhận là đúng. Gia đình anh L tổ chức lễ nói thì phía gia đình chị Thảo N đã tổ chức lễ cưới, trong lúc chờ gia đình anh L cưới thì giữa chị và anh L thường xuyên xãy ra mâu thuẩn nên chị cũng thống nhất yêu cầu anh L cụ thể như sau:

Về quan hệ hệ nhân: Đồng ý ly hôn với anh Vạn Thành L.

Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Vạn Thành L rút lại yêu cầu buộc chị N trả anh L 10 chỉ vàng 24kara gồm: Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara. Về tài sản chung để anh L, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn các vấn đề khác anh L vẫn giữ nguyên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 26/12/2017 giữa anh L, chị N có tổ chức lễ nói, cưới theo phong tục tập quán và được sự chứng kiến họ hàng 02 bên, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vì thế không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L, chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên miễn xét

[2.3] Về tài sản chung:

Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Anh L rút lại yêu cầu buộc chị N trả anh L 10 chỉ vàng 24kara gồm: Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 235, 244, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Vạn Thành L và bị đơn Nguyễn Thị Thảo N.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của anh Vạn Thành L buộc chị Nguyễn Thị Thảo N trả anh L 10 chỉ vàng 24kara gồm: Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Vạn Thành L nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N^{0}0006487, ngày 24/5/2018. Hoàn trả anh Vạn Thành L số tiền tạm ứng án phí 925.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu 0006488 ngày 24/5/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã C, Phường Z 02b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 9 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Thanh

Ông Nguyễn Đinh Cường

Tiến hành nghị án án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2018; Về việc: *" Xin ly hôn*", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vạn Thành L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 111, đường X, Khóm Y, Phường Z, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Ý kiến của ông Huỳnh Văn Thanh:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 26/12/2017 giữa anh L, chị N có tổ chức lễ nói, cưới theo phong tục tập quán và được sự chứng kiến họ hàng 02 bên, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vì thế không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, tuyên bố không công nhân quan hệ vợ chồng giữa anh L, chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên miễn xét

[2.3] Về tài sản chung:

Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Anh L rút lại yêu cầu buộc chị N trả anh L 10 chỉ vàng 24kara gồm: Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Ý kiến của ông Nguyễn Đinh Cường: Thống nhất ý kiến của ông Huỳnh Văn Thanh, ông Cường không có ý kiến khác.

Ý kiến chủ Tọa ông Huỳnh Công Hảo thống nhất ý kiến 02 vị hội thẩm và bổ sung thêm quyền kháng cáo của các đương sự.

Cuối cùng hội đồng xét xử với tỷ lệ thống nhất 3/3 về các vấn đề sau:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 235, 244, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Vạn Thành L và bị đơn Nguyễn Thị Thảo N.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của anh Vạn Thành L buộc chị Nguyễn Thị Thảo N trả anh L 10 chỉ vàng 24kara gồm: Một chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24kara; Một chiếc lắc 02 chỉ vàng 24kara; Một chiếc vòng đeo tay 03 chỉ vàng 24kara.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Vạn Thành L nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006487, ngày 24/5/2018. Hoàn trả anh Vạn Thành L số tiền tạm ứng án phí 925.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu 0006488 ngày 24/5/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 07 tháng 9 năm 2018. Có đọc lại cho tất cả cùng nghe và đồng ý ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**